TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 744/2024/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 20 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 645/2024/TLST-VHNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu:

1. **Bà Lý Thị Thanh H**, sinh năm 1993;

Địa chỉ thường trú và cứ trú hiện nay: Tổ B, Khu phố D, phường T, B, Đồng Nai

2. **Ông Hoàng Xuân L**, sinh năm 1993;

Địa chỉ thường trú và cứ trú hiện nay: Tổ B, Khu phố D, phường T, B, Đồng Nai

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 13 tháng 3 năm 2024, ông L, bà H cùng nộp đơn yêu cầu "công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung". Quá trình vận động hòa giải, ông L, bà H thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 10/5/2024. Ông L, bà H có địa chỉ cư trú tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai và đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Do đó, đơn yêu cầu của ông L, bà H được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Bà Lý Thị Thanh H và ông Hoàng Xuân L chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 240/2019, ngày 25/6/2019. Ông L, bà H xác định có 01 con chung là cháu Hoàng Hải Đ, sinh ngày 07/02/2020. Ông L, bà H thỏa thuận giao cháu Đ cho bà H nuôi dưỡng, tạm thời ông L không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông L, bà H tự thỏa thuận về tài sản chung, xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình chung sống, ông L, bà H thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông L, bà H xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung.

Xét thấy ông L, bà H thực sự tự nguyện ly hôn; sự thỏa thuận của ông L, bà H đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ, con. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của ông L, bà H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Thanh H và ông Hoàng Xuân L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: ông L, bà H có 01 con chung cháu Hoàng Hải Đ, sinh ngày 07/02/2020. Ông L, bà H thỏa thuận giao cháu Đ cho bà H nuôi dưỡng, tạm thời ông L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông L, bà H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: ông L, bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: ông L, bà H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Lý Thị Thanh H và ông Hoàng Xuân L mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng lệ phí ông L, bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002931 ngày 20/3/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; ông L, bà H đã nộp đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Uỷ ban nhân dân phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Huệ